

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 01 – 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Cẩm Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Ý N, sinh năm 1998; Cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1985; Cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Hồ Ý N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị N và anh M chung sống năm 2010, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD vào ngày 20/7/2016. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau do anh M ghen tuông. Vợ chồng ly thân từ tháng 05/2021 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, mỗi người có cuộc sống riêng. Nay xét thấy không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh M.

- Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên, sinh ngày 27/01/2012. Hiện tại con chung sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với anh Nguyễn Hoàng M:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh M biết về yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh M không yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Hoàng M đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh M chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp được pháp luật công nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Chị N xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, cự cãi. Đối chiếu các quy định pháp luật về việc vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng anh chị ly thân nhau từ tháng 05/2021 đến nay nhưng vẫn không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống cùng nhau, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị là thực tế có xảy ra, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Anh M biết việc chị N xin ly hôn nhưng không có động thái hay yêu cầu hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị N được ly hôn với anh M là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị N thấy rằng, khi ly hôn cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Từ khi chị N và anh M ly thân nhau đến nay con chung sống cùng chị N, chị N vẫn đảm bảo các điều kiện cho con chung phát triển tốt về mọi mặt. Mặt khác, tại biên bản ngày 08/7/2021 cháu T có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng mẹ, đồng thời cháu T là nữ nên sự chăm sóc của người mẹ là cần thiết, đảm bảo cho sự phát triển tốt nhất cho cháu. Từ những cơ sở nêu, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Nguyễn Ngọc Mỹ T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị N không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị N yêu cầu tự thỏa thuận phân chia nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp không thỏa thuận được, các đương sự có quyền yêu cầu bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về các vấn đề khác: Chị N xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng quy định pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Ý N.

1.1. Về hôn nhân: Cho chị Hồ Ý N được ly hôn anh Nguyễn Hoàng M.

1.2. Về con chung: Giao Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên, sinh ngày 27/01/2012 cho chị Hồ Ý N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hoàng M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Ý N phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012207 ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc